ĐỀ 5

Question 1. Listen and number. (Nghe và đánh số thứ tự các bức tranh),1pt:

				
		1		

ĐỀ 6

Question 1. Listen and number. (Nghe và đánh số thứ tự các bức tranh),1pt:

				
	1			

ĐỀ 7

Question 1. Listen and number. (Nghe và đánh số thứ tự các bức tranh),1pt:

				
		1		

LIVEWORKSHEETS

ĐỀ 8

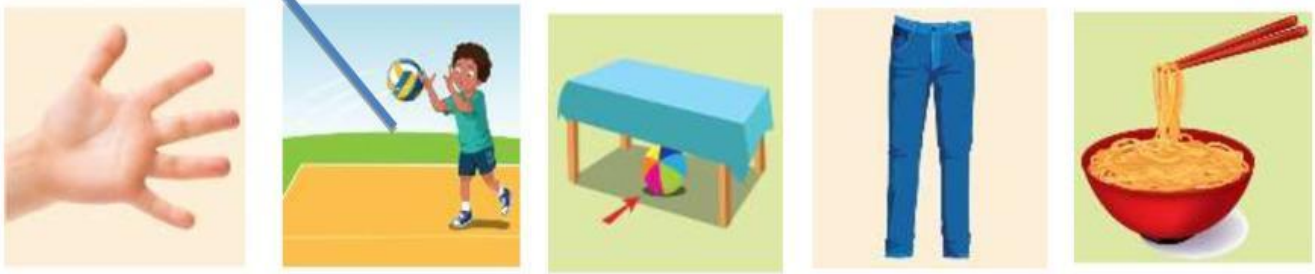
Question 1. Listen and number. (Nghe và đánh số thứ tự các bức tranh),1pt:

				
		1		

ĐỀ 5

Question 2: Listen and draw lines. (Nghe và nối tới bức tranh đúng), 1pt.

1 2 3 4 5



LIVEWORKSHEETS

ĐỀ 6

Question 2: Listen and draw lines. (Nghe và nối tới bức tranh đúng), 1pt.

1 2 3 4 5



ĐỀ 7

Question 2: Listen and draw lines. (Nghe và nối tới bức tranh đúng), 1pt.

1 2 3 4 5



LIVEWORKSHEETS

ĐỀ 8

Question 2: Listen and draw lines. (Nghe và nối tới bức tranh đúng), 1pt.

1 2 3 4 5



ĐỀ 5

Question 3: Listen and tick. (Nghe và đánh dấu ✓vào ô sau câu mình chọn), **1pt:**

1. **Example: What are you wearing?**





A. ☐ B. ☐ C.☑

2. **What can you see, Alfie?**





LIVEWORKSHEETS

3. **What do you want, Lucy?**





4. **Can you use your ..... to kick the ball?**





5. **Would you like some……., Tom ?**





ĐỀ 6

Question 3: Listen and tick. (Nghe và đánh dấu ✓vào ô sau câu mình chọn), **1pt:**

1. **Example: Are those your …….?**


☐



B. ☐ C. ☑

2. **Would you like some ……., Mrs Brown?**

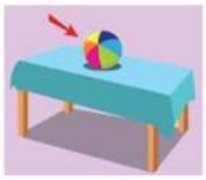
LIVEWORKSHEETS





3. **Put the ball ……..**





4. **What are you wearing? I'm wearing……..**





5. **Grandma, May I …….. ?**


A. ☐



ĐỀ 7

Question 3: Listen and tick. (Nghe và đánh dấu ✓vào ô sau câu mình chọn), **1pt:**

1. **Example: Are those your ……..?**


A. ☐

B. ☐

C. ☑

LIVEWORKSHEETS

2. **What are you wearing, Lucy?**





3. **What are you good at, Mai?**





4. **Alfie puts the robot...**





5. **Would you like some……., Tom**





ĐỀ 8

Question 3: Listen and tick. (Nghe và đánh dấu ✓vào ô sau câu mình chọn), **1pt:**

1. **Example: Can you play …….?**





LIVEWORKSHEETS

2. **May I ……..?**



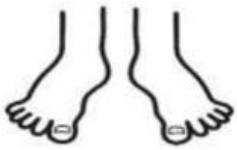


3. **Do you like your ……..?**



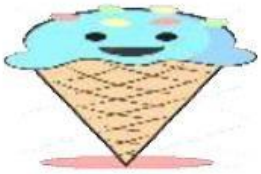


4. **Can you use your …..?**





5. **Would you like some……., Tom ?**





LIVEWORKSHEETS

Đề 5

Question 4: Listen and complete. (Nghe và điền từ còn thiếu vào chỗ trống),1pt.

~~Lan~~	go skateboarding	doll	hitting	carrot

1. Hello, What's your name? My name's Lan.
2. Is there a ……..? Yes, there is.
3. What are you good at? I'm good at …….
4. May I ……? No, you may not.
5. Put the …… in the wardrobe. - In the wardrobe? - Yes.

Đề 6

Question 4: Listen and complete. (Nghe và điền từ còn thiếu vào chỗ trống),1pt.

~~Mai~~	feet	head	socks	bananas	small

1. Hello, what's your name?

   My name's Mai.

2. What else can you see, Alfie?

   I can see a ……. doll.

3. Can you use your ……. in volleyball? No, I can't.
4. What do you want?

   I want some …….

5. Are there any ……..?

   No, there aren't.

LIVEWORKSHEETS

Đề 7

Question 4: Listen and complete. (Nghe và điền từ còn thiếu vào chỗ trống),1pt.

~~Mai~~	shirt	Are there	swimming	fourteen

1. Hello, What's your name?

   My name's Mai.

2. …….. any eggs? – Yes, there are some eggs?

3. I have ……. robots on my desk.

4. I wear a white …….. and a blue skirt.

5. May I go ……?

   No, sorry Tom. The swimming pool is too far away.

Đề 8

Question 4: Listen and complete. (Nghe và điền từ còn thiếu vào chỗ trống),1pt.

~~robot~~	**ten**	**marbles**	**under**	**seventeen**	**eleven**

1. What can you see?

I can see a big _____.

2. How many cards do you have?

I have _____ cards.

3. Put the red car _____ the wardrobe.

4._____ minus ten is seven

LIVEWORKSHEETS

1. I have eleven _____ in my bag. I put four marbles in my bag.
   How many marbles are in my bag?

LIVEWORKSHEETS